

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
QUÝ 3 NĂM 2011  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>198,687,847,257</b>	<b>210,285,061,224</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3,447,690,007</b>	<b>1,837,114,428</b>
1. Tiền	111		3,447,690,007	1,837,114,428
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>88,042,996,928</b>	<b>123,538,713,476</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	85,278,923,589	121,325,202,284
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,354,292,747	1,476,954,787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,518,517,233	845,293,046
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(108,736,641)	(108,736,641)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51,169,820,596</b>	<b>41,356,276,152</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	51,169,820,596	41,356,276,152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56,027,339,726</b>	<b>43,552,957,168</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,095,196,189	404,553,658
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		306,827,816	442,370,971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	54,625,315,721	42,706,032,539

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33,336,581,531</b>	<b>34,101,380,151</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,000,000,000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		2,000,000,000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19,129,708,682</b>	<b>20,835,110,933</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	<b>19,129,708,682</b>	<b>20,835,110,933</b>
<i>Nguyên giá</i>	222		27,761,073,421	27,761,073,421
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,631,364,739)	(6,925,962,488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>8,063,441,854</b>	<b>8,970,527,410</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		12,094,473,923	12,094,473,923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4,031,032,069)	(3,123,946,513)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,506,549,767</b>	<b>1,506,549,766</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	428,549,767	428,549,766
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,078,000,000	1,078,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,636,881,228</b>	<b>2,789,192,042</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,636,881,228	2,789,192,042
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>232,024,428,788</b>	<b>244,386,441,375</b>

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141,883,205,393</b>	<b>161,268,116,046</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110,873,531,858</b>	<b>130,852,366,458</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	20,985,039,441	29,816,344,719
2. Phải trả người bán	312	V.16	4,085,604,369	4,811,763,081
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	4,034,698,521	2,134,208,786
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	13,004,200,745	13,233,373,922
5. Phải trả người lao động	315	V.19	61,279,583	232,254,535
6. Chi phí phải trả	316	V.20	33,952,403,373	40,133,349,753
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	34,469,733,931	40,123,469,767
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	280,571,895	367,601,895
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31,009,673,535</b>	<b>30,415,749,588</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	30,000,000,000	30,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	36,587,877	90,508,588
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	973,085,658	325,241,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71,580,920,680</b>	<b>64,293,621,702</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>71,580,920,680</b>	<b>64,293,621,702</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	38,800,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	24,077,383,636	24,077,383,636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	1,799,267,468	1,442,217,468
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	750,618,210	393,568,210
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	6,153,651,366	13,380,452,388
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>18,560,302,715</b>	<b>18,824,703,627</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>232,024,428,788</b>	<b>244,386,441,375</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu quý</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 11 tháng 11 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

\_\_\_\_\_

**0**

\_\_\_\_\_

**Lê Tuấn Vũ**

\_\_\_\_\_

**Nguyễn Quốc Khánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Số kỳ này năm nay		Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7,739,703,652	16,924,457,984	21,392,274,348	54,983,396,275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7,739,703,652	16,924,457,984	21,392,274,348	54,983,396,275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6,403,008,242	13,667,822,556	17,546,148,226	46,143,108,835
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,336,695,410	3,256,635,428	3,846,126,122	8,840,287,440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9,852,181	19,981,870	38,815,132	152,009,515
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	62,510,721	1,065,737,174	493,139,100	3,358,118,994
Trong đó: chi phí lãi vay	23			1,065,515,412	430,628,379	3,086,341,065
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	214,488,586	793,391,240	338,874,992	2,205,838,188
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	726,453,851	970,705,605	2,242,381,883	2,637,214,653
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		343,094,433	446,783,279	810,545,279	791,125,120
11. Thu nhập khác	31		-	3,552,923,636	2,327,169	3,571,834,308
12. Chi phí khác	32			1,647,434,617	2,856,563	1,700,951,400
13. Lợi nhuận khác	40		-	1,905,489,019	(529,394)	1,870,882,908
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		343,094,433	2,352,272,298	810,015,885	2,662,008,028

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Số lũy kế kỳ này		Số lũy kế kỳ này	
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	năm nay	năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		76,213,551	511,836,674	171,892,707	668,947,321
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		266,880,882	1,840,435,624	638,123,178	1,993,060,707
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		17,005,430	134,544,346	54,922,160	(7,173,439)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.8	249,875,452	1,705,891,278	583,201,018	2,000,234,146
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		82	736	233	800

Trong năm tài chính 2011, Công Ty Cổ Phần Điện Nhẹ Viễn Thông đã ký kết tổng giá trị các hợp đồng khoảng 280 tỷ đồng nhưng đến hết quý 3 vẫn chưa có đủ điều kiện để xác định doanh thu. Ban điều hành Công Ty đang nỗ lực phần đầu thực hiện các hợp đồng đã ký kết để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2011.

Lập ngày 11 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

0

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>725,811,057</b>	<b>2,352,272,298</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,779,372,147	1,265,694,640
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,935,443,125)
- Chi phí lãi vay	06	153,429,867	1,065,515,412
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2,658,613,071</b>	<b>2,748,039,225</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	28,326,492,967	3,285,776,354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9,813,544,444)	(5,255,026,878)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(11,324,127,349)	5,293,941,784
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(538,331,717)	(42,913,348)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(153,429,867)	(2,701,888,404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	155,298,887	1,086,498,596
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2,300,624,086)	(785,404,813)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7,010,347,462</b>	<b>3,629,022,516</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(365,316,464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	500,000,000	14,715,814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>500,000,000</b>	<b>(350,600,650)</b>



Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		8,800,000,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11,124,974,421	50,617,175,490
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23,420,233,804)	(53,289,924,560)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,404,512,500)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(5,899,771,883)</i></u>	<u><i>(2,672,749,070)</i></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1,610,575,579</b>	<b>605,672,796</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1,837,114,428</b>	<b>2,015,361,879</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>3,447,690,007</b></u>	<u><b>2,621,034,675</b></u>

Lập ngày 11 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

0

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Quý 3 năm 2011**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông 06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông và Công ty con.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh** :
  - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
  - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
  - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
  - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
  - Thảm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
  - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Tổng số các công ty con** : 01  
Công ty con được hợp nhất là

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông.	Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	55,53%	51%

- Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phân sở hữu của Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	Số 214, Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	20%	20%

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### ***Các công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 5

### 6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

### 7. **Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 36 tháng.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 8. **Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 9. **Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### ***Chi phí công trình***

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm***

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Hợp đồng xây dựng**

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	736.832.096	60.187.157
Tiền gửi ngân hàng	2.710.857.911	1.776.930.271
<b>Cộng</b>	<b><u>3.447.690.007</u></b>	<b><u>1.837.117.428</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	27.712.538.677	44.528.567.598
Các Công ty, các Ban QLDA	31.086.475.064	69.086.597.794
Các khách hàng khác	26.479.909.848	7.710.036.892
<b>Cộng</b>	<b><u>85.278.923.589</u></b>	<b><u>121.325.202.284</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CTGT 1 Hà Nội - Tiền đền bù hệ đường	131.831.700	131.831.700
Công ty CP Bất Động Sản Petrolimex	0	297.694.800
Công ty CP HAI MY	0	320.183.111
Công ty CP ĐT XD và PT Viễn thông Nam Bắc	0	200.000.000
Công ty QL và SC đường bộ 472 - Tiền đền bù hệ đường	61.638.000	61.638.000
Công ty CP Bê tông Đúc Sẵn Hà Nam	0	52.340.200
Các đối tượng khác	1.160.823.047	413.266.976
<b>Cộng</b>	<b><u>1.354.292.747</u></b>	<b><u>1.476.954.787</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cổ tức - Công ty Cổ phần ĐTTKVT Cần Thơ	59.361.003	59.361.003
Phải thu BHXH quận Đống Đa	17.490.800	17.490.800
Phải thu về các khoản cho vay vật tư	193.699.610	193.699.610
Phải thu khác	1.247.965.820	574.741.633
<b>Cộng</b>	<b><u>1.518.517.233</u></b>	<b><u>845.293.046</u></b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.099.952.117	5.037.704.280
Công cụ, dụng cụ	5.855.000	5.855.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.648.663.423	30.571.967.394
Thành phẩm	2.844.587.446	2.354.649.747
Hàng hóa	151.147.669	151.147.669
Hàng gửi đi bán	3.419.614.941	3.234.952.062
<b>Cộng</b>	<b><u>51.169.820.596</u></b>	<b><u>41.356.276.152</u></b>

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	54.447.841.050	42.405.384.050
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	172.649.318	295.823.136
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.825.353	4.825.353
<b>Cộng</b>	<b><u>54.625.315.721</u></b>	<b><u>42.706.032.539</u></b>

(\*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	5.612.087.204	17.716.193.333	3.295.293.272	550.871.757	586.627.855	27.761.073.421
Tăng do mua sắm mới		0	0	0	0	0
Giảm do nhượng bán		0	0	0	0	0
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.612.087.204</b>	<b>17.716.193.333</b>	<b>3.295.293.272</b>	<b>550.871.757</b>	<b>586.627.855</b>	<b>27.761.073.421</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	932.100.550	3.409.337.813	1.710.476.648	447.540.657	426.509.820	6.925.962.488
Khấu hao trong năm	263.410.830	979.806.791	341.349.396	38.706.193	82.126.041	1.705.399.251
Giảm do nhượng bán						
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.195.511.380</b>	<b>4.389.144.604</b>	<b>2.051.826.044</b>	<b>486.246.850</b>	<b>508.635.861</b>	<b>8.631.364.739</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	4.679.986.654	14.306.855.520	1.584.816.624	103.331.100	160.118.035	20.835.110.933
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.416.575.824</b>	<b>13.327.048.729</b>	<b>1.243.467.228</b>	<b>64.624.907</b>	<b>77.991.994</b>	<b>19.129.708.682</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	3.123.946.513	8.970.527.410
Tăng do trích khấu hao	-	907.085.556	
Giảm trong kỳ	-	-	(907.085.556)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.094.473.923</u></b>	<b><u>4.031.032.069</u></b>	<b><u>8.063.441.854</u></b>

### 10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông	6.000	600.000.000	6.000	600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000060 ngày 11 tháng 06 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông 1.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ).

Vốn thực góp của Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 3.000.000.000 VND. Vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư là 7.000.000.000 VND.

### 11. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ với số lượng 10.780 cổ phiếu, mệnh giá 100.000 VND/cổ phiếu.

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển thuế vào CP SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	132.672.026		115.542.478	17.129.548
Tiền thuê đất	2.385.844.111		38.746.061	2.347.098.050
Phí làm hợp chuẩn	25.045.455		21.170.455	3.875.000
Chi phí sơn nền nhà xưởng	162.607.738		26.338.762	188.946.500
Chi phí sửa chữa TSCĐ	83.022.712	14.600.000	17.790.582	79.832.130
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.789.192.042</u></b>	<b><u>14.600.000</u></b>	<b><u>219.588.338</u></b>	<b><u>2.636.881.228</u></b>

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b><u>18.208.006.441</u></b>	<b><u>17.851.706.857</u></b>
Ngân hàng TMCP Liên Việt		7.118.780.567
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	18.208.006.441	15.349.774.752
<b>Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân</b>	<b><u>2.231.033.000</u></b>	<b><u>7.347.789.400</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>20.985.039.441</u></b>	<b><u>29.816.344.719</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ba An	933.299.400	933.299.400
Công ty CP DV Du lịch Đường sắt Hà Nội		0
Công ty CPXL bưu điện	259.330.268	389.317.752
Công ty CP Xây lắp viễn thông Hà Nội		108.968.576
Công ty CP Viễn thông Thăng Long	0	883.353.847
Công ty TNHH xử lý kỹ thuật thoát nước và môi trường HN	64.100.000	114.100.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD Bắc Ninh	99.000.000	99.000.000
Công ty CP Azet	45.734.440	45.734.440
Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện	71.375.194	71.375.194
Công ty TNHH TM-SX-DV Vạn Khang	283.883.556	287.091.156
Công ty CP Thiết bị xây lắp VT Thái Bình Dương	0	461.881.465
Các đối tượng khác	2.328.881.511	1.417.641.251
<b>Cộng</b>	<b><u>4.085.604.369</u></b>	<b><u>4.811.763.081</u></b>

### 15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông Hải Dương	115.013.194	268.702.922
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	158.413.455	116.688.379
Công ty Điện thoại Tây Thành Phố	43.302.733	198.002.733
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	486.000.000	486.000.000
BQL Dự án Tả Ngạn	238.000.000	238.000.000
Các đối tượng khác	2.993.969.139	826.814.752
<b>Cộng</b>	<b><u>4.034.698.521</u></b>	<b><u>2.134.208.786</u></b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.597.177.507	672.053.270	996.302.447	9.272.928.330
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	171.113.908	77.311.110	159.598.961	88.826.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.092.953.248	171.892.707		3.264.845.955
Thuế thu nhập cá nhân	372.129.259	22.702.594	17.231.450	377.600.403
Các loại thuế khác		10.000.000	10.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b><u>13.233.373.922</u></b>	<b><u>953.958.681</u></b>	<b><u>1.183.132.858</u></b>	<b><u>13.004.200.745</u></b>

### 17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	273.975.516	296.435.916
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	33.678.427.857	39.836.913.837
<b>Cộng</b>	<b><u>33.952.403.373</u></b>	<b><u>40.133.349.753</u></b>

### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2011

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	46.095.344	124.374.858
BHXH, BHYT, BHTN	60.069.794	296.289.206
Phải trả trung tâm II – Chi phí vật tư, nhân công công trình xây lắp	2.809.108.470	2.728.088.133
Phải trả khoản vay vật tư	180.212.720	395.896.052
Chi phí các công trình còn phải trả các đội	31.374.247.603	36.578.821.518
<b>Cộng</b>	<b><u>34.469.733.931</u></b>	<b><u>40.123.469.767</u></b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	367.601.895
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	203.322.599
Tăng do tập đoàn khen thưởng	38.400.000
Chi quỹ trong năm	<u>(328.501.895)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>280.571.895</u></b>

#### 20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Tài chính bưu điện	-	-
Mệnh giá Trái phiếu (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>

(\*) Công ty phát hành 300.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 100.000 VND/TP kỳ hạn 18 tháng từ 15/07/2010, lãi suất 15%/18 tháng (nếu không chuyển đổi sang cổ phiếu). Tỷ lệ chuyển đổi là 1:10. Mục đích đầu tư xây dựng 90 trạm BTS cho thuê và đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty Tài chính bưu điện	-			-
Mệnh giá trái phiếu phát hành	30.000.000.000			30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>			<b><u>30.000.000.000</u></b>

#### 21. Doanh thu chưa thực hiện

là doanh thu cho thuê các trạm BTS nhận cho nhiều kỳ

Số đầu kỳ	325.241.000
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	1.391.978.824
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	<u>(744.134.166)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>973.085.658</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

### 22. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	25.000.000.000	24.077.383.636	1.442.217.468	393.568.210	13.380.452.388	64.293.621.702
Lợi nhuận trong kỳ					583.201.018	583.201.018
Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn	5.000.000.000				(5.000.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu mới tăng vốn	8.800.000.000					8.800.000.000
Trích lập các quỹ trong năm			357.050.000	357.050.000	(405.489.540)	308.610.460
Chi quỹ trong năm						
Chia cổ tức năm trước bằng tiền					(2.404.512.500)	(2.404.512.500)
<b>Số dư cuối quý</b>	<b><u>38.800.000.000</u></b>	<b><u>24.077.383.636</u></b>	<b><u>1.799.267.468</u></b>	<b><u>750.618.210</u></b>	<b><u>6.153.651.366</u></b>	<b><u>71.580.920.680</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.703.481.432	5.944.112.263
Doanh thu tư vấn, thiết kế	0	
Doanh thu bán hàng hoá	384.697.340	3.649.835.480
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	743.254.254	966.325.227
Doanh thu bán thành phẩm	4.749.842.306	6.364.185.014
<b>Cộng</b>	<b><u>7.739.703.652</u></b>	<b><u>16.924.457.984</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.079.346.454	5.123.446.450
Giá vốn hoạt động tư vấn, thiết kế	0	
Giá vốn hoạt động bán hàng hoá	377.003.393	2.417.162.887
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản	334.113.282	536.184.458
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.450.061.524	5.591.028.761
<b>Cộng</b>	<b><u>6.403.008.242</u></b>	<b><u>13.667.822.556</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Lãi tiền gửi	9.852.181	19.981.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	
<b>Cộng</b>	<b><u>9.852.181</u></b>	<b><u>19.981.870</u></b>

### 4. Chi phí bán hàng

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Chi phí nhân viên	31.304.839	54.874.709
Chi phí vật liệu, bao bì	-	216.172.750
Chi phí dụng cụ	14.448.387	11.763.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.010.608	363.100.000
Chi phí bằng tiền khác	142.724.752	147.478.811
<b>Cộng</b>	<b><u>214.488.586</u></b>	<b><u>793.391.240</u></b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	403.013.946	662.467.137
Chi phí vật liệu quản lý	13.785.963	13.240.967
Chi phí đồ dùng văn phòng	0	6.540.567
Chi phí khấu hao TSCĐ	135.929.203	128.718.876
Thuế, phí và lệ phí	0	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.724.739	159.738.058
Chi phí bằng tiền khác	0	
<b>Cộng</b>	<b><u>726.453.851</u></b>	<b><u>970.705.605</u></b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2011*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo này vì đây là Báo cáo của Công ty mẹ. Chỉ tiêu này sẽ được tính toán và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

### **Thuê hoạt động**

- Hợp đồng thuê văn phòng số 437 ngày 15 tháng 06 năm 2010 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 03 phòng làm việc tại tầng 04 (P420, P422, P424) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, giá thuê là 14 USD/m<sup>2</sup> với diện tích chính và 07 USD/1m<sup>2</sup> với diện tích phụ, tổng diện tích chính thuê là 92 m<sup>2</sup> và diện tích phụ là 28 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 333 ngày 30 tháng 05 năm 2008 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P416) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 06 năm 2008 đến ngày 30 tháng 05 năm 2011, giá thuê là 11 USD/m<sup>2</sup>, tổng diện tích thuê là 36 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 482 ngày 15 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P418) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 12 năm 2012, giá thuê là 13 USD/m<sup>2</sup>, tổng diện tích thuê là 30,14 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 02 phòng làm việc tại tầng 04 (P601,P603) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, giá thuê là 13 USD/m<sup>2</sup>, tổng diện tích thuê là 47 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.
- Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 thuê thêm phòng 410, diện tích 30 m<sup>2</sup>, giá thuê là 15 USD/m<sup>2</sup> từ ngày 01 tháng 04 năm 2010.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 414 ngày 11 tháng 06 năm 2007 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 03 phòng làm việc tại tầng 04 (P420, P422, P424) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2007 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, giá thuê là 09 USD/m<sup>2</sup> với diện tích chính và 4 USD/1m<sup>2</sup> với diện tích phụ, tổng diện tích chính thuê là 92 m<sup>2</sup> và diện tích phụ là 28 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 333 ngày 30 tháng 05 năm 2008 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P416) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 06 năm 2008 đến ngày 30 tháng 05 năm 2011, giá thuê là 11 USD/m<sup>2</sup>, tổng diện tích thuê là 36 m<sup>2</sup>, 3 tháng thanh toán một lần.

Lập, ngày 17 tháng 11 năm 2011

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Lê Tuấn Vũ**

**Nguyễn Quốc Khánh**